TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 313/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận H, ngày 06 tháng 5 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 275/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 giữa:

*Nguyên đơn: Bà **Lê Thị A,** sinh năm: 1981.

Thường trú: 128/6, Khu phố 2, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 79/52/7, đường Thống Nhất, quận G, Phường 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn N,** sinh năm: 1967.

Thường trú: 128/6, Khu phố 2, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị A và ông Nguyễn Văn N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn: Bà **Lê Thị A,** sinh năm: 1981.

Thường trú: 128/6, Khu phố 2, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 79/52/7, đường Thống Nhất, quận G, Phường 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn N,** sinh năm: 1967.

Thường trú: 128/6, Khu phố 2, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

3.1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị A và ông Nguyễn Văn N thỏa thuận thuận tình ly hôn.

3.2/ Về con chung: Một con chung tên là Nguyễn Lê Thoại Nam (sinh ngày 16/7/2004) do ông Nguyễn Văn N nuôi dưỡng, quản lý, chăm sóc cho tới khi con chung tròn 18 tuổi.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Lê Thị A.

Vì lợi ích của con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

3.3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3.4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng do bà Lê Thị A nộp theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí tòa án số 0108701 ngày 17/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H. Cấn trừ còn dư 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng nên hoàn trả cho bà A số tiền này.

Trường hợp quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- VKSND Quận H;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận H;
- Cơ quan ban hành giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thu Hương